CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

FireAnt

CTCP Đầu tư phát SGI Holdings

Ngày 30/06/2025	13,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.0%	**0.8%**	**1.7%**

DT thuần
Q2/25
547
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 57.0| 11.7%
YoY: ▲ 239| 77.7%

LN thuần
Q2/25
-11.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼76.6| -118%
YoY: ▼22.1| -215%

LN sau thuế
Q2/25
-15.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼64.6| -132%
YoY: ▼21.8| -358%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
5.2%
YoY: +/-▼ 16.1%

ROE (TTM)
Q2/25
1.7%
YoY: +/-▼ 1.2%

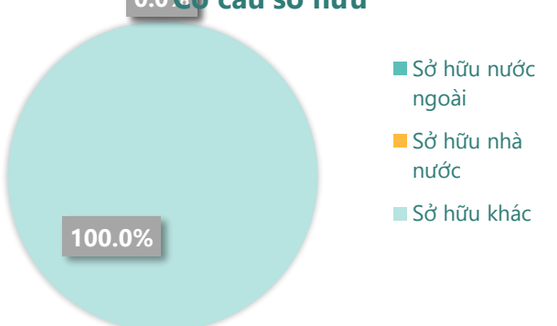
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,500 - 17,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	981
Số lượng CPLH (CP)	75,464,700
KLGD BQ 20 phiên (CP)	72,645
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.11)
EPS	648
P/E	20.1

DT thuần
6T 2025
1,037
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 436| 72.7%

LN thuần
6T 2025
53.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 112| 190%

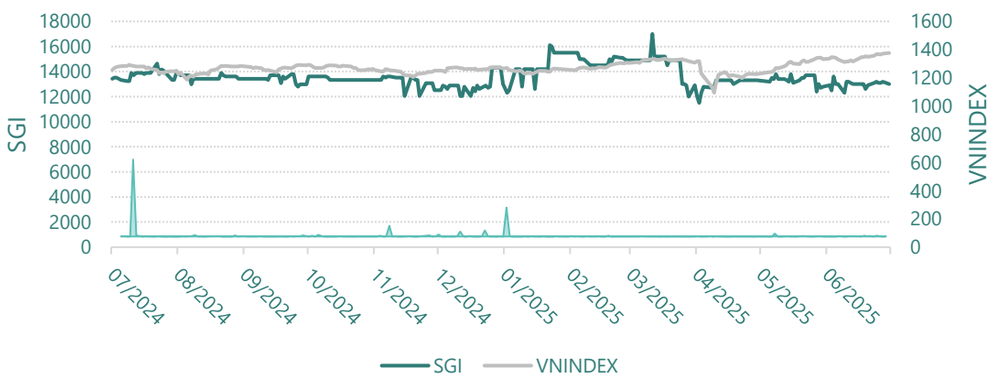
LN sau thuế
6T 2025
33.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 82.8| 167%

Cơ cấu sở hữu

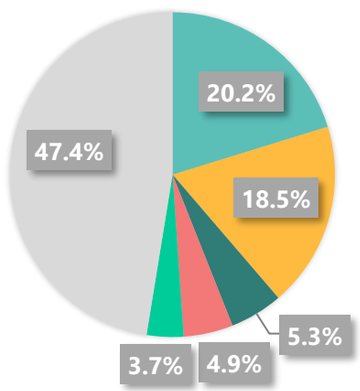


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

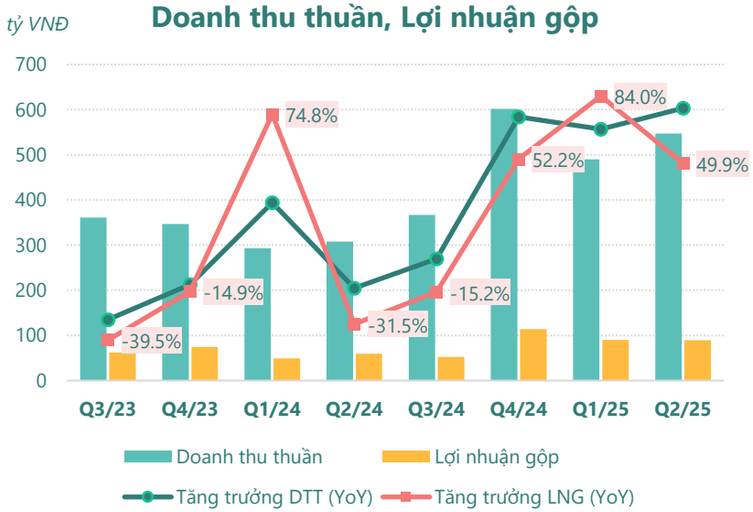


- Nguyễn Quốc Việt (Tổng giám đốc)
- CTCP Đầu tư Hưng Phúc
- Phạm Xuân Hồng (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Cao Thị Quỳnh Liên
- Nguyễn Ngọc Điệp (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

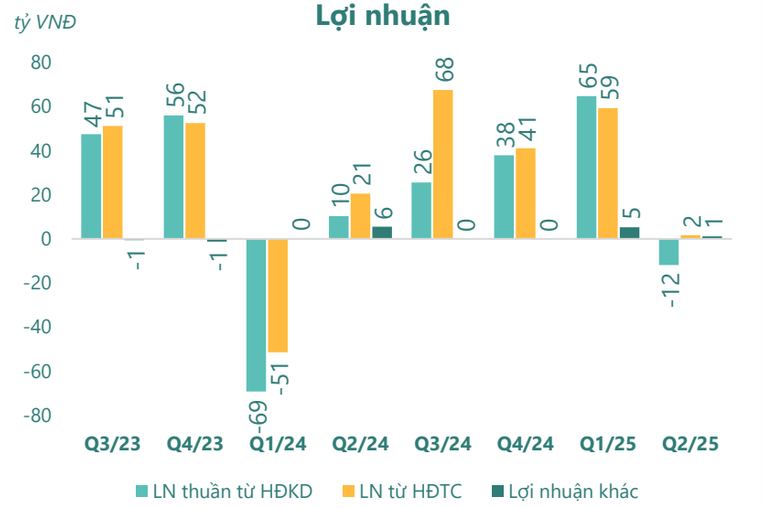
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



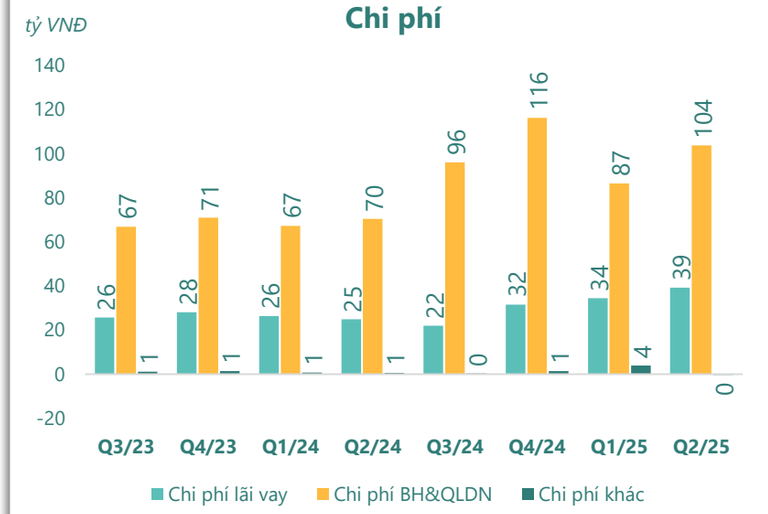
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



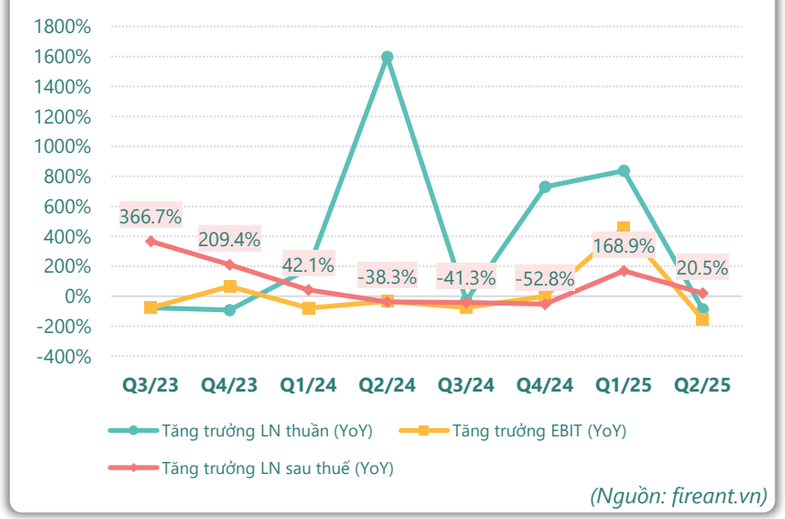
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



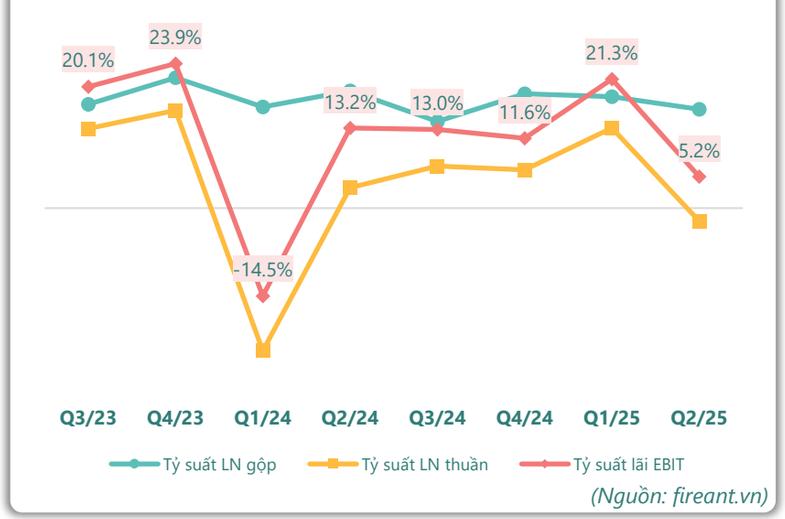
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



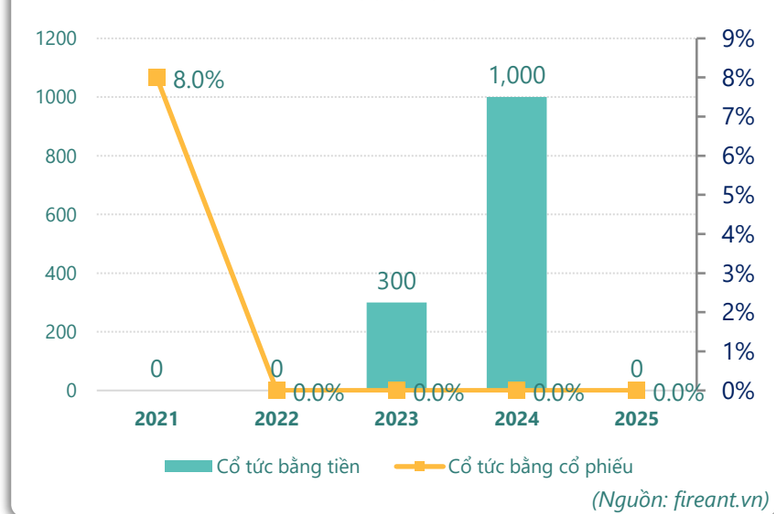
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

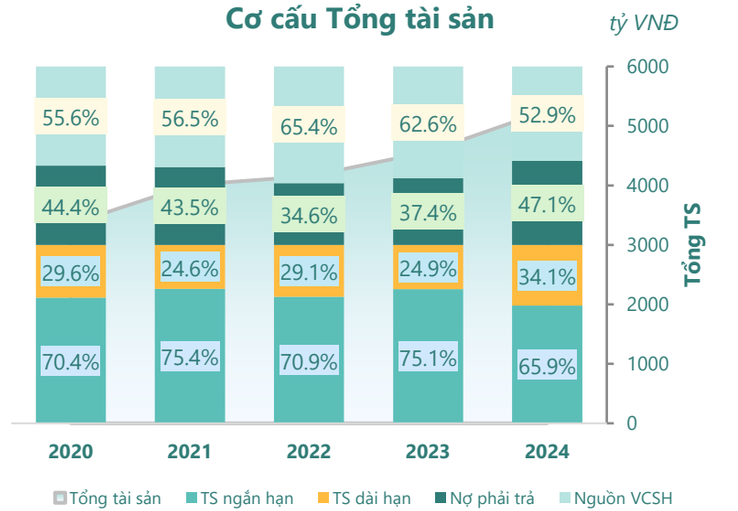
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

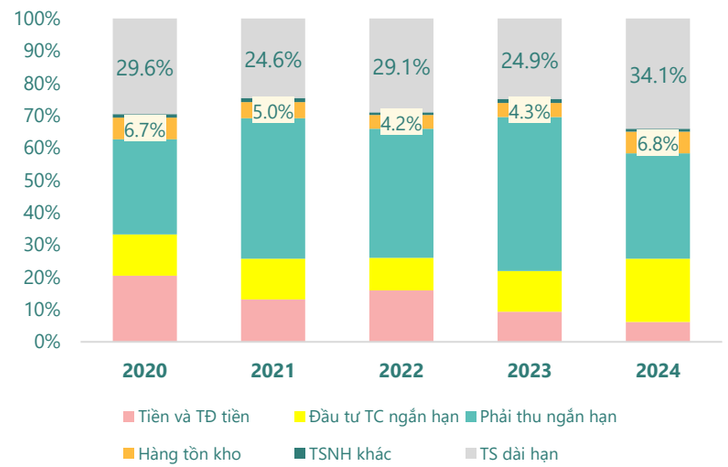
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



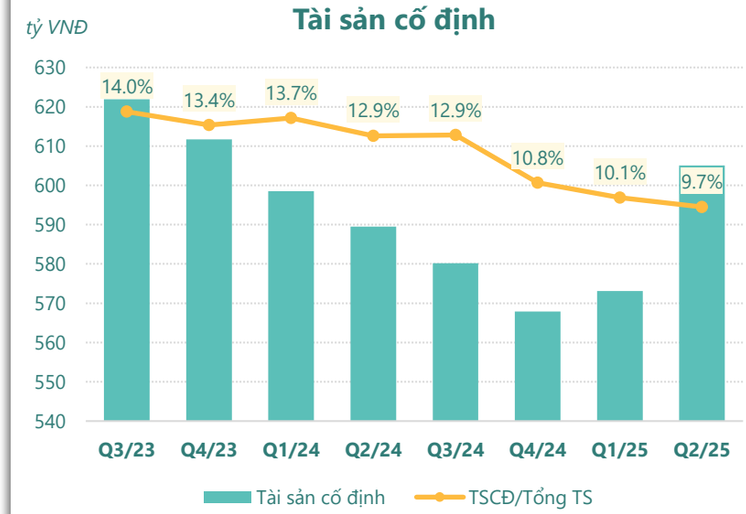
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



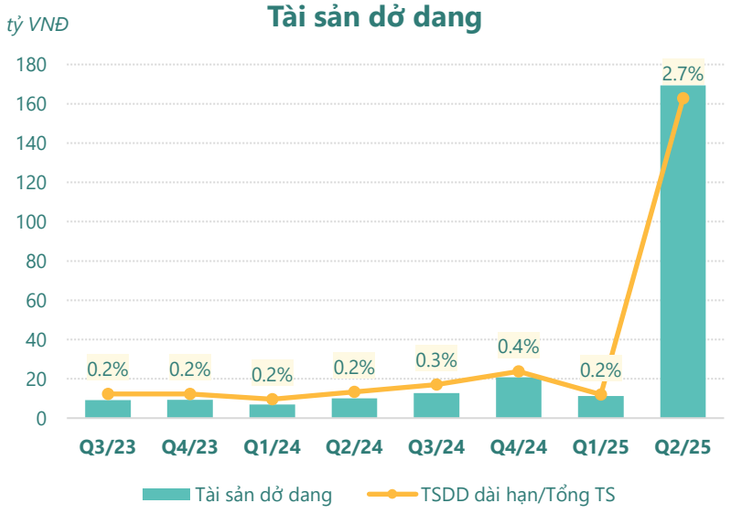
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



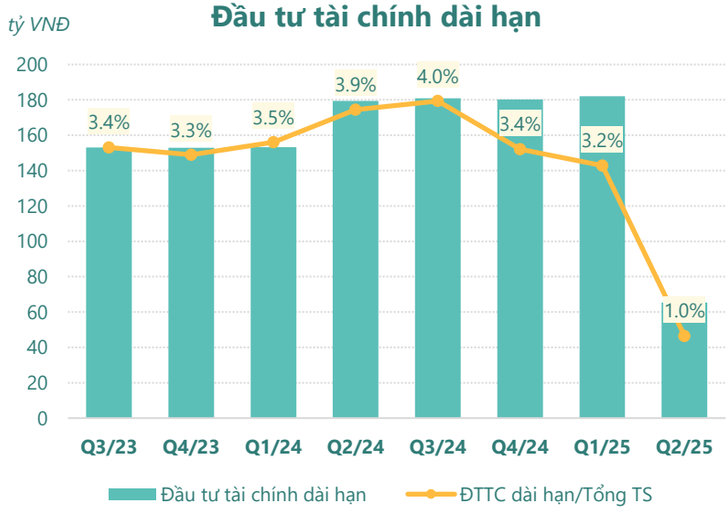
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



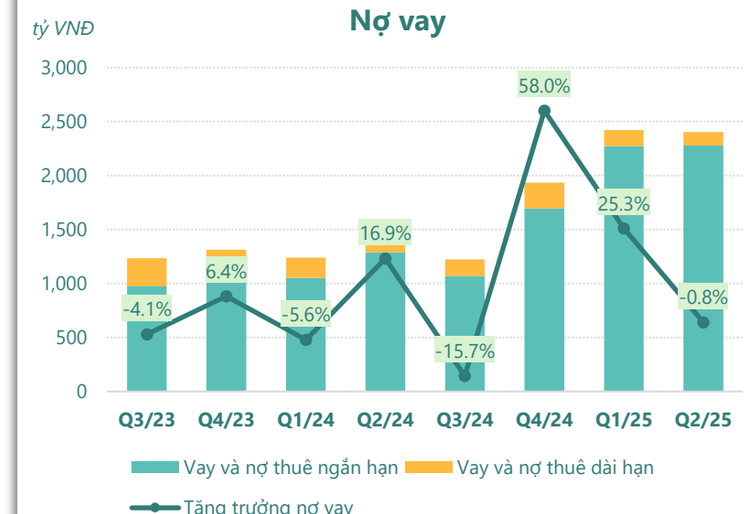
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

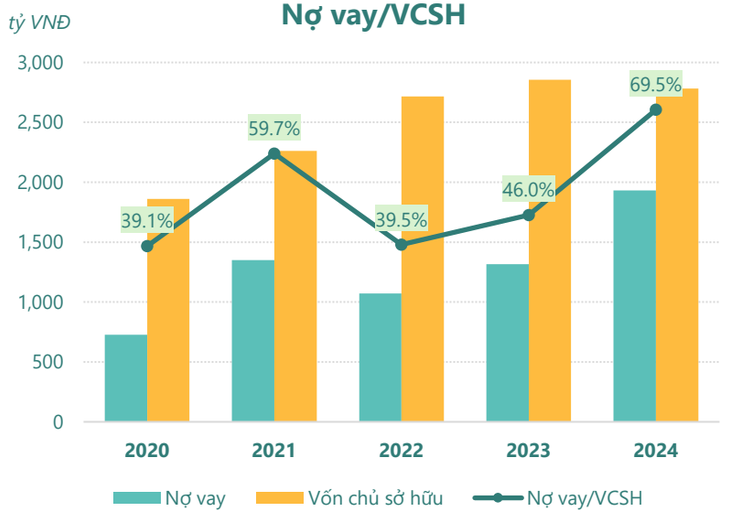
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

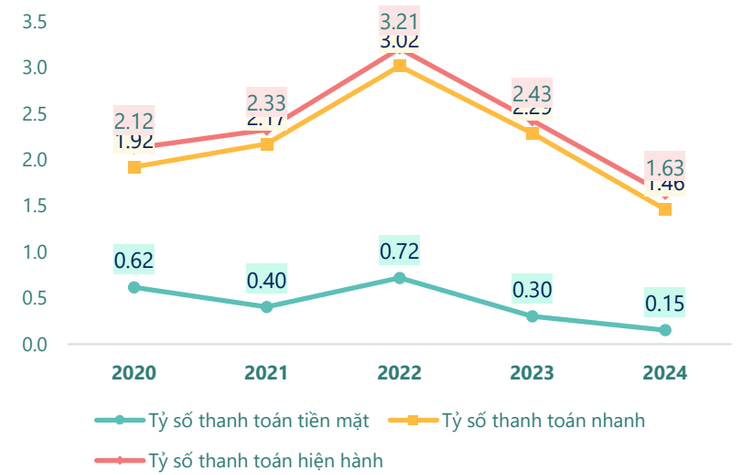
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



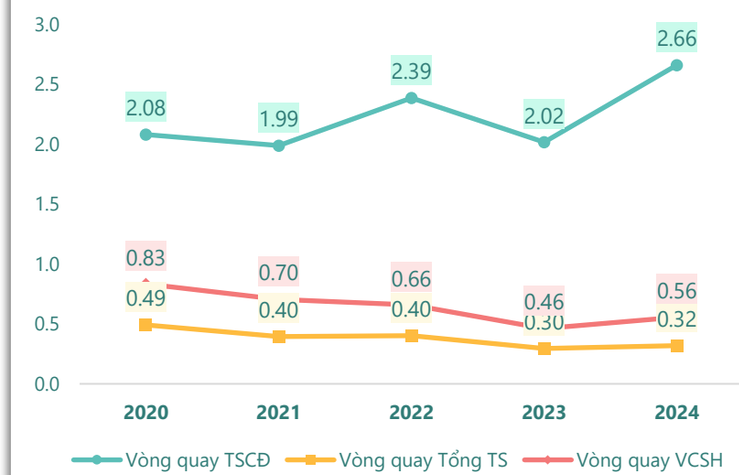
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



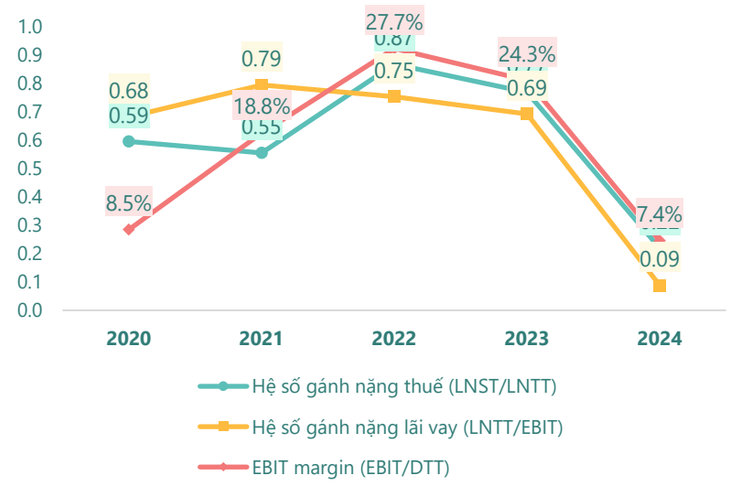
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



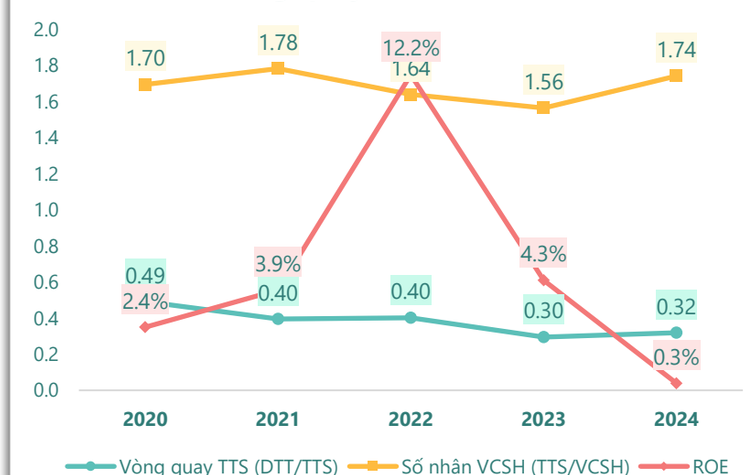
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



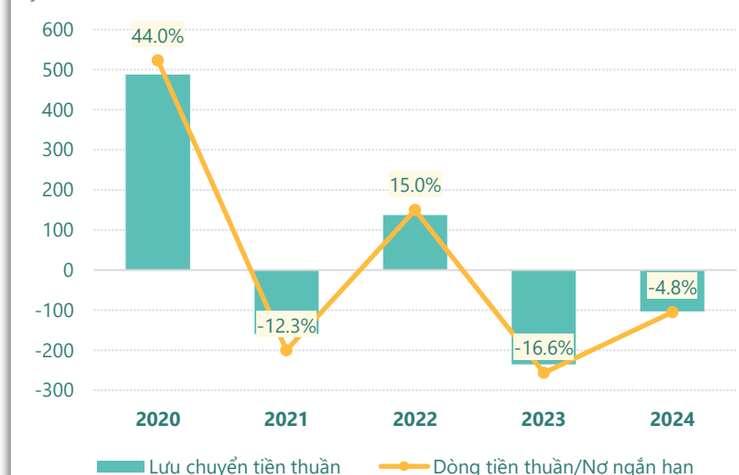
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**547**	**308**	**77.7%**	**1,037**	**601**	**72.7%**
Giá vốn hàng bán	458	248	84.6%	858	492	74.4%
Lợi nhuận gộp	89.5	59.7	49.9%	180	109	65.3%
Doanh thu HĐTC	76.9	76.5	0.5%	197	162	22.0%
Chi phí TC	75.3	55.9	34.6%	136	192	-29.2%
Chi phí lãi vay	39.2	24.9	57.5%	73.7	51.2	43.9%
LN trong công ty LKLD	**0.81**	**0.52**	**55.6%**	**2.51**	**1.02**	**147%**
Chi phí bán hàng	39.9	20.9	90.7%	69.8	42.6	63.7%
Chi phí QLDN	**63.9**	**49.6**	**28.7%**	**120**	**95.1**	**26.7%**
LN thuần từ HĐKD	-11.8	10.3	-215%	53.0	-58.9	190%
Lợi nhuận khác	**1.11**	**5.53**	**-79.8%**	**6.32**	**5.80**	**9.1%**
LN trước thuế	-10.7	15.8	-168%	59.3	-53.1	212%
Lợi nhuận sau thuế	**-15.7**	**6.10**	**-358%**	**33.1**	**-49.7**	**167%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-21.9**	**12.2**	**-279%**	**13.1**	**-29.1**	**145%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-130	-116	99.3	-250	214	-182
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	216	140	-233	-303	-311	470
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-72.7	202	-221	565	489	-333
Tiền đầu kỳ	427	440	666	311	323	715
Lưu chuyển tiền thuần	**13.6**	**225**	**-355**	**11.8**	**392**	**-44.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.05	0.04	-0.01	0.02	-0.02	-0.03
Tiền cuối kỳ	440	666	311	323	715	670

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,245**	**5,263**	**18.7%**
Tài sản ngắn hạn	4,975	3,470	43.4%
Tiền và tương đương tiền	670	323	107%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,573	1,030	52.8%
Phải thu ngắn hạn	2,316	1,714	35.1%
Hàng tồn kho	340	356	-4.5%
Tài sản ngắn hạn khác	75.1	47.2	59.2%
Tài sản dài hạn	**1,271**	**1,793**	**-29.1%**
Phải thu dài hạn	30.4	712	-95.7%
Tài sản cố định	605	568	6.6%
Bất động sản đầu tư	136	138	-1.5%
Tài sản dở dang	169	20.8	714%
Đầu tư tài chính dài hạn	65.3	180	-63.8%
Tài sản dài hạn khác	**91.8**	**89.9**	**2.1%**
Lợi thế thương mại	173	84.3	105%
Nợ phải trả	3,374	2,481	36.0%
Nợ ngắn hạn	**3,156**	**2,131**	**48.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,277	1,698	34.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	325	166	96.3%
Nợ dài hạn	218	350	-37.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	126	235	-46.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,872**	**2,782**	**3.2%**
Vốn chủ sở hữu	**2,872**	**2,782**	**3.2%**
Vốn điều lệ	755	755	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)